

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HS-PT

Ngày: 28-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Đồng

Ông Nguyễn Hữu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy; Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào; Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2018/TLPT-HS ngày 25/5/2018 đối với bị cáo Huỳnh Đức M do có kháng cáo của bị cáo Huỳnh Đức M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2018/HS-ST ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Huỳnh Đức M**, sinh năm: 1971 tại Lâm Đồng; Nơi ĐKKHKT và cư trú: số 230/43 NTT, Phường 8, thành phố DL, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Lái xe; Học vấn: 9/12 ; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh V và bà Nguyễn Thị L; Vợ là Nguyễn Thị Ngọc T; Con Huỳnh Phước Th và Huỳnh Trung T; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 05/8/2003 bị cáo Huỳnh Đức M bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2005, đóng án phí và thi hành nghĩa vụ trách nhiệm dân sự ngày 05/11/2004. Bị cáo bị bắt ngày 11/9/2015. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng thay đổi biện pháp ngăn chặn ngày 06/11/2015. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Đức M:**

Luật sư Nguyễn Ngọc Toàn – Văn phòng Luật sư Nhân Tín, Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ 15 phút ngày 11/9/2015, tại vườn hoa nhà kính của bà Nguyễn Thị Thu Th thuộc tổ dân phố Thái Phước, phường 12, thành phố Đà Lạt. Phòng cảnh sát điều tra trật tự xã hội Công an tỉnh Lâm Đồng bắt quả tang các bị cáo Đỗ Đình Đ, Đỗ Mạnh T, Nguyễn Thị L, Lê Văn D, Võ Bá Nh, Phạm Minh D, Huỳnh Đức M, Đỗ Văn Ng, Trần Ngọc Tr, Hoàng Nhật M, Trương Văn L, Nguyễn Như G, Nguyễn Quang O, Phạm Thị Di L đang đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa, thắng thua bằng tiền, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 130.767.000^d, 01 bộ chén nhựa, 15 con vị hình tròn, 01 chiếc chiếu, 03 tờ giấy vẽ vị trí các con vị hình tròn cùng các đồ vật khác dùng để đánh bạc. Tại thời điểm này còn có một số đối tượng đã chạy thoát.

Quá trình điều tra xác định được các bị cáo Đỗ Mạnh T, Phạm Minh D, Lê Văn D, Nguyễn Thị L, Huỳnh Đức M, Phan Thanh H, Hoàng Văn L và một số đối tượng không rõ nhân thân lai lịch đã bỏ trốn đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, cách thức đánh bạc là cho 04 con vị vào chén rồi lấy đĩa úp lại, sau đó xóc rồi đặt xuống chiếu bạc, các con bạc sẽ tiến hành đặt bên chẵn hoặc bên lẻ, nếu có 04 con vị cùng mặt hoặc 02 con vị cùng mặt là chẵn, còn 03 con vị cùng mặt và 01 con vị còn lại khác mặt là lẻ, khi mở chén nếu ra chẵn thì người đặt chẵn thắng, người đặt lẻ thua, nếu ra lẻ thì người đặt lẻ thắng người đặt chẵn thua. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 193.247.000đ, cụ thể như sau:

Đỗ Mạnh T mang theo số tiền 30.000.000đ với mục đích sử dụng để đánh bạc, T tham gia đánh nhiều ván, ván thấp nhất là 2.000.000đ, ván cao nhất là 5.000.000đ. Đến khi bị bắt T thắng được 4.800.000đ; Phạm Minh D mang 20.000.000đ đến sòng bạc với mục đích sử dụng để đánh bạc, D tham gia đánh một ván với số tiền 10.000.000đ thì bị thua. Khi bị bắt D còn lại trên tay 10.000.000đ, cơ quan điều tra còn thu giữ trong túi của D số tiền 4.000.000đ, D khai số tiền này dùng vào việc trả tiền sửa xe; Lê Văn D mang 2.500.000đ đến sòng bạc để đánh bạc, D tham gia đánh nhiều ván, mỗi ván đánh 200.000đ. Khi bị bắt D thua hết 400.000đ; Nguyễn Thị L mang 1.600.000đ đến sòng bạc với mục đích tham gia đánh bạc, L tham gia đánh 03 ván, mỗi ván 200.000đ, cả 03 ván L đều thua. Đến khi bị bắt L còn lại 1.000.000đ; Huỳnh Đức M mang 1.000.000đ đến sòng bạc tham gia đánh bạc, M tham gia đánh 02 ván, mỗi ván đánh 500.000đ. Khi bị bắt M thua hết số tiền 1.000.000đ; Phan Thanh H: Do H biết tại khu vực vườn hoa nhà kính sau quán cà phê 89 có tổ chức đánh bạc dưới hình thức đánh sóc đĩa ăn tiền nên khoảng 23h00' ngày 10/9/2015 H đến sòng bạc để làm hồ lý cân tiền cho các con bạc, mục đích để sau khi kết thúc sòng bạc nếu có con bạc nào thắng sẽ trả tiền công cho H.

Vật chứng thu giữ: Số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 130.767.000đ, 01 đĩa bằng sứ, một chén nhựa, 04 bộ bài bị đục lỗ, 03 tờ giấy vẽ hình các con vị, 15 con vị hình tròn, 01 chén nhựa; Thu giữ của Đỗ Mạnh T: số tiền 34.800.000đ, 01 điện thoại di động Nokia 5152 màu đen kèm theo sim điện thoại số

01687773459; Thu giữ của Phạm Minh D: số tiền 14.000.000đ, 01 điện thoại di động Iphone 6 kèm theo sim điện thoại số 0978707271; Thu giữ của Lê Văn D: số tiền 2.100.000đ, 01 điện thoại di động Nokia màu đen, 01 điện thoại di động Samsung Galaxy xám đen kèm theo sim điện thoại số 0919789282; Thu giữ của Nguyễn Thị L: số tiền 600.000đ, 01 điện thoại di động Sam Sung S5 kèm theo sim điện thoại số 0968835754; Thu giữ của Huỳnh Đức M: 01 điện thoại di động LG-D682 màu đen kèm theo sim điện thoại số 0919842230.

Đối với bị cáo Võ Bá Nh sau khi Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đưa vụ án ra xét xử, qua xác minh được biết bị cáo Nh đã chết ngày 24/10/2016 nên ngày 13/3/2018 Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị cáo Võ Bá Nh (theo quyết định đình chỉ vụ án số 01/2018/HSST-QĐ ngày 13/3/2018).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2018/HS-ST ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt tuyên bố Các bị cáo Đỗ Mạnh T, Phạm Minh D, Lê Văn D, Nguyễn Thị L, Huỳnh Đức M, Phan Thanh H phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 248; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt:

+ Bị cáo Đỗ Mạnh T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 11/9/2015 đến ngày 21/10/2015 vào thời gian chấp hành hình phạt tù. Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo Đỗ Mạnh T 15.000.000^d (Mười lăm triệu đồng), bị cáo Đỗ Mạnh T đã nộp 2.000.000^d theo biên lai thu số AA/2010/07252 ngày 12/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt nên còn phải nộp 13.000.000^d (Mười ba triệu đồng).

+ Bị cáo Lê Văn D (Quần) 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 11/9/2015 đến ngày 27/11/2015 vào thời gian chấp hành hình phạt tù. Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo Lê Văn D (Quần) 10.000.000^d (Mười triệu đồng), bị cáo đã nộp số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2012/0007650 ngày 21/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt nên bị cáo đã thi hành xong;

+ Bị cáo Nguyễn Thị L 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 11/9/2015 đến ngày 23/11/2015 vào thời gian chấp hành hình phạt tù. Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị L 10.000.000^d (Mười triệu đồng), bị cáo đã nộp số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2012/0007645 ngày 07/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt nên bị cáo đã thi hành xong;

+ Bị cáo Huỳnh Đức M 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 11/9/2015

đến ngày 06/11/2015 vào thời gian chấp hành hình phạt tù. Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo Huỳnh Đức M 10.000.000^d (Mười triệu đồng), bị cáo đã nộp số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2013/0001301 ngày 20/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt nên bị cáo đã thi hành xong

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 248; các điểm p, q Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh D (Tý) 30 (Ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/4/2018). Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo Phạm Minh D 15.000.000^d (Mười lăm triệu đồng), bị cáo Phạm Minh D đã nộp số tiền 4.000.000^d theo biên lai thu số AA/2010/07251 ngày 12/7/2016 và nộp 11.000.000^d (Mười một triệu đồng) theo biên lai thu số AB/2012/0002961 ngày 18/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt nên bị cáo đã thi hành xong

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 248; điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh H (Hải cầu) 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/4/2018). Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo Phan Thanh Hải 10.000.000^d (Mười triệu đồng), bị cáo đã nộp số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng) theo biên lai thu số AB/2013/0002841 ngày 07/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt nên bị cáo đã thi hành xong;

Ngoài ra, Bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/4/2018 bị cáo Huỳnh Đức M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị xem xét hình phạt đối với bị cáo Phạm Minh D và Phan Thanh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo M không thắc mắc, khiếu nại nội dung Bản án sơ thẩm, bị cáo bổ sung thêm yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo; đồng thời xuất trình đơn xác nhận gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, vợ bị cáo hiện nay đang bị bệnh nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xin được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo M trình bày: Nhân thân bị cáo mặc dù đã từng bị kết án nhưng đã được xóa án tích, hiện nay gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ đang bị bệnh và đang nuôi con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 và vận dụng Điều 60 Bộ luật hình sự 1999 để cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Đức M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào lúc 00 giờ 15 phút ngày 11/9/2015, tại vườn hoa nhà kính của bà Nguyễn Thị Thu Th thuộc tổ dân phố Thái Phước, Phường 12, thành phố Đà Lạt, Phòng cảnh sát điều tra trật tự xã hội Công an tỉnh Lâm Đồng bắt quả tang các bị cáo Đỗ Đình Đ, Đỗ Mạnh T, Nguyễn Thị L, Lê Văn D, Võ Bá Nh, Phạm Minh D, Huỳnh Đức M, Đỗ Văn Ng, Trần Ngọc Tr, Hoàng Nhật M, Trương Văn L, Nguyễn Như G, Nguyễn Quang O, Phạm Thị Di L đang đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa, thắng thua bằng tiền, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 130.767.000^d. Đối chiếu với lời khai nhận tại phiên tòa hôm nay của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Huỳnh Đức M phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo M thấy rằng: Bị cáo M kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo nhưng bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, nên không đủ điều kiện để hưởng án treo theo hướng dẫn Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Tòa án nhân dân tối cao cũng như Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới, trong khi cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là đã có sự xem xét, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo Huỳnh Đức M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Đức M; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Đức M phạm tội "*Đánh bạc*".

- Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 248; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Đức M 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án, được trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 11/9/2015 đến ngày 06/11/2015 vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo Huỳnh Đức M 10.000.000^d (Mười triệu đồng), bị cáo đã nộp số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2013/0001301 ngày 20/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt nên bị cáo đã thi hành xong.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Huỳnh Đức M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT(I) – TANDTC;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- TAND, VKSND cấp sơ thẩm;
- Chi cục THADS Đà Lạt;
- Cơ quan THAHS Đà Lạt;
- Cơ quan CSĐT Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Văn Hiệp

